

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CÁCH TÍNH VỐN ĐẦU TƯ TRONG ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP

*Nguyễn Sơn**

Trong quyển “Tài liệu hướng dẫn điều tra doanh nghiệp năm 2016” (Nhà xuất bản Thống kê, 2016, trang 95) có quy định:

Vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có của doanh nghiệp chỉ được xem là vốn đầu tư của doanh nghiệp khi thỏa mãn đồng thời cả 2 điều kiện:

(i). *Chênh lệch cuối kỳ trừ đầu kỳ của giá trị hàng tồn kho mang giá trị dương.* (Sau đây gọi tắt là **“Quy định số dương”**).

(ii). *Chênh lệch cuối kỳ trừ đầu kỳ của giá trị hàng tồn kho được sử dụng bằng vốn tự có của doanh nghiệp.* (Sau đây gọi tắt là **“Quy định vốn tự có”**).

Quy định như trên là không phù hợp với khái niệm “đầu tư” trong các tài liệu viết về kinh tế vĩ mô.

Tổng đầu tư của các doanh nghiệp là $I = \text{tiền mua hàng tư bản mới} + \text{chênh lệch hàng tồn kho}$. Khi hàng tồn kho cạn dần chúng ta coi đó là đầu tư âm hay rút lui đầu tư¹.

Kinh tế vĩ mô xem chênh lệch hàng tồn kho (change in inventories) là khoản đầu tư của doanh nghiệp, không hề bắt buộc chênh lệch này phải là số dương hay âm (*khi là số dương là đầu tư, khi là số âm là rút lui đầu tư*), đồng thời cũng không đề cập chênh lệch hàng tồn kho hình thành từ nguồn vốn nào.

“Quy định số dương” và “Quy định vốn tự có” như trong Tài liệu hướng dẫn điều tra doanh nghiệp năm 2016 sẽ gây ra những bất hợp lý sau đây:

1. Bất cập của “Quy định số dương”

“Quy định số dương” sẽ làm tăng khổng vốn đầu tư. Trong chu kỳ kinh doanh, do có sự mua bán hàng hóa giữa các doanh nghiệp với nhau, hàng tồn kho có thể luân chuyển từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác. Nếu quy định chênh lệch hàng tồn kho phải là số dương thì sẽ phóng đại vốn đầu tư lên do không bù trừ sự tăng giảm hàng tồn kho giữa các doanh nghiệp. Hãy xem ví dụ tại Bảng 1 dưới đây về sản phẩm thép mà doanh nghiệp sản xuất thép sản xuất ra và bán cho doanh nghiệp xây dựng:

* Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Long An

¹ (Dương Tấn Diệp, Kinh tế vĩ mô, NXB Thống kê 1996, trang 58-59).

Bảng 1: Chỉ tiêu về sản phẩm thép của 2 doanh nghiệp

Đơn vị: Tỷ đồng

Doanh nghiệp	Sản phẩm	Tồn kho đầu năm	Sản xuất/ mua vào trong năm	Tiêu thụ/ sử dụng trong năm	Tồn kho cuối năm	Chênh lệch hàng tồn kho
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)	(5)=(4)-(1)
Doanh nghiệp sản xuất thép	Thép	100	70	80	90	-10
Doanh nghiệp xây dựng	Thép	30	80	60	50	20
Tổng cộng 2 doanh nghiệp		130	-	-	140	10

Ghi chú: Trong ví dụ trên, doanh nghiệp sản xuất thép tiêu thụ 80 tỷ, bằng với giá trị thép do doanh nghiệp xây dựng mua vào.

Nếu áp dụng “Quy định số dương” thì doanh nghiệp sản xuất thép sẽ không có đầu tư từ chênh lệch hàng tồn kho (vì là số âm), còn doanh nghiệp xây dựng đầu tư 20 tỷ (tạm thời giả định doanh nghiệp xây dựng thỏa mãn “Quy định vốn tự có”). Giả sử trong nền kinh tế chỉ có 2 doanh nghiệp này, thì đầu tư bổ sung vốn lưu động khi áp dụng “Quy định số dương” sẽ là 20 tỷ.

Tuy nhiên, nguồn lực về thép thực sự

tăng thêm trong năm của nền kinh tế chỉ là 10 tỷ (xem dòng cuối cùng của Bảng 1). Như vậy, trong ví dụ này “Quy định số dương” đã phóng đại vốn đầu tư từ chênh lệch hàng tồn kho lên 2 lần.

Cũng trong ví dụ trên, giả sử trong năm vì lý do nào đó 2 doanh nghiệp sản xuất thép và xây dựng sáp nhập lại, khi đó Bảng 1 trở thành Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Sản lượng thép của doanh nghiệp sản xuất thép và xây dựng

Đơn vị: Tỷ đồng

Doanh nghiệp	Sản phẩm	Tồn kho đầu năm	Sản xuất trong năm	Sử dụng trong năm	Tồn kho cuối năm	Chênh lệch hàng tồn kho
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)	(5)=(4)-(1)
Doanh nghiệp sản xuất thép và xây dựng	Thép	130	70	60	140	10

Trong trường hợp hai doanh nghiệp sáp nhập lại, vốn đầu tư là 10 tỷ, rất phù hợp với việc chấp nhận vốn đầu tư cả số dương lẫn số âm ở các doanh nghiệp riêng lẻ để có sự bù trừ lẫn nhau.

2. Bất cập của “Quy định vốn tự có”

2.1. “Quy định vốn tự có” đặt ra rào cản bất hợp lý khi tính vốn đầu tư

Chúng ta biết rằng vốn đầu tư là sự đo lường bằng tiền của lực lượng vật chất mà các doanh nghiệp mua vào để chuẩn bị cho các chu kỳ sản xuất tiếp theo. Một nguồn tiền chỉ xem là vốn đầu tư khi nó đã được dùng để mua hàng hóa (tài sản cố định, nguyên vật liệu, ...), không phân biệt nguồn tiền đó từ đâu (vốn tự có, vốn vay, ...). Nói cách khác, vốn đầu tư là thuộc kênh hàng hóa, không phải kênh tài chính, cho nên sẽ vô lý khi bắt buộc hàng hóa đó phải hình thành từ nguồn vốn tự có thì mới là đầu tư. Tại sao đối với tài sản cố định không đặt ra quy định vốn tự có, còn hàng tồn kho thì bắt buộc phải là vốn tự có?

2.2. “Quy định vốn tự có” sẽ làm méo mó việc tính GDP theo phương pháp sử dụng

GDP theo phương pháp sử dụng được tính bởi công thức:

$$GDP = C + G + I + X - M$$

Trong đó, C: tiêu dùng của cá nhân, G: tiêu dùng của chính phủ, I: đầu tư của doanh nghiệp, X: xuất khẩu, M: nhập khẩu.

Trong năm, nếu hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ hết thì cũng được tính vào GDP. Vì hàng hóa đó không được tiêu thụ nên nó không nằm trong C, G hay X (đương nhiên là nó không nằm trong M) mà nó được tính vào đầu tư I. Nếu áp dụng “Quy định vốn tự có” thì những hàng hóa không tiêu thụ hết và không sản xuất bằng vốn tự có sẽ không được xem là đầu tư I. Như vậy, những hàng hóa như thế sẽ nằm ở đâu trong công thức tính GDP?

Một ví dụ khác liên quan tới nhập khẩu. Giả sử cuối năm 2015, doanh nghiệp A nhập khẩu nguyên vật liệu trị giá 100 tỷ đồng và giả

sử chênh lệch hàng tồn kho cuối năm 2015 là đúng bằng số nguyên vật liệu đó, nguồn vốn để nhập khẩu là vốn vay.

Trước khi doanh nghiệp A nhập khẩu 100 tỷ đồng nguyên vật liệu thì GDP là:

$$GDP = C + G + I + X - M \quad (1)$$

Sau khi doanh nghiệp A nhập khẩu 100 tỷ đồng nguyên vật liệu, nếu chúng ta áp dụng “Quy định vốn tự có” thì I không thay đổi (do 100 tỷ là vốn vay nên không được tính là vốn đầu tư), đương nhiên nhập khẩu tăng 100 tỷ. Khi đó công thức tính GDP trở thành:

$$GDP^1 = C + G + I + X - (M+100) \quad (2)$$

So sánh 2 biểu thức (1) và (2) chúng ta thấy GDP đã bị giảm đi 100 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc nhập khẩu 100 tỷ đồng nguyên vật liệu của doanh nghiệp A về cơ bản không làm thay đổi GDP. Nhưng vì không xem 100 tỷ là vốn đầu tư đã làm cho GDP bị sai lệch.

Chỉ khi nào chúng ta xem 100 tỷ đồng chênh lệch hàng tồn kho của doanh nghiệp A là đầu tư (tức là I tăng 100 tỷ đồng) thì khi đó công thức tính GDP mới bảo đảm tính hợp lý:

$$GDP^1 = C + G + (I+100) + X - (M+100) \\ = C + G + I + X - M \quad (3)$$

Biểu thức (3) cho thấy GDP không thay đổi trước và sau khi doanh nghiệp A nhập khẩu 100 tỷ đồng nguyên vật liệu. Như vậy, dù được hình thành từ nguồn vốn nào thì chênh lệch hàng tồn kho cũng phải được xem là vốn đầu tư của doanh nghiệp, như thế mới không gây ra những méo mó trong việc tính GDP bằng phương pháp sử dụng.

3. Kết luận và kiến nghị

Với phân tích trên, cả “Quy định số dương” và “Quy định vốn tự có” đều dẫn tới những bất cập về lý thuyết. “Quy định số dương” làm khuếch đại vốn đầu tư so với thực

tế. “Quy định vốn tự có” thì ngược lại làm giảm vốn đầu tư và quan trọng hơn làm lệch lạc công thức tính GDP. Đó là chưa kể trong thực tế tại các doanh nghiệp việc xác định chênh lệch hàng tồn kho thuộc nguồn vốn nào là điều vô cùng khó khăn, cho nên “Quy định vốn tự có” gần như bị bỏ qua. Trong khi đó, “Quy định số dương” được áp dụng triệt để khiến cho vốn đầu tư cao hơn thực tế.

Để cho việc thu thập vốn đầu tư được dễ dàng và nhất là phù hợp với lý thuyết về

đầu tư của các doanh nghiệp, chúng tôi đề xuất nên xem ***chênh lệch cuối kỳ trừ đầu kỳ hàng tồn kho là một khoản đầu tư của doanh nghiệp, không phân biệt khoản chênh lệch này là dương, âm hay thuộc nguồn vốn nào.*** Quy định như vậy sẽ hợp lý về mặt lý thuyết, dễ áp dụng trong thực tiễn điều tra doanh nghiệp cũng như khi khai thác số liệu từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp./.

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Tấn Diệp, Kinh tế vĩ mô, NXB Thống kê, 1996, trang 58-59.
2. David Begg, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học, NXB Giáo dục, Hà Nội 1995, trang 14.
3. Tổng cục Thống kê, Tài liệu hướng dẫn điều tra doanh nghiệp năm 2016, NXB Thống kê, 2016, trang 94-95.
4. <http://www.nber.org/chapters/c9137> (truy cập ngày 10/3/2016)